

Phụ lục I
19 LÔ ĐẤT Ở CHIA LÔ LẬP THỦ TỤC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTPTQĐ ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

STT	Tên lô đất, dự án	Vị trí lô đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Dự kiến tiền sử dụng đất theo giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
I	PHƯỜNG LIÊN CHIỀU (02 LÔ)						
1	Lô 19 B2-16 thuộc Khu TĐC Hòa Hiệp 4	ngã tư đường Hồng Phước 1 và QH (3-5,5-3)m (nay là đường Nguyễn Thành Long)	157,8	Đất ở	13.668.000	2.156.810.400	
2	Lô 36 B2-16 thuộc Khu TĐC Hòa Hiệp 4	ngã tư đường Hồng Phước 1 và đường Tự Đức (nay đổi tên thành đường Trương Hoàn)	154,7	Đất ở	12.096.000	1.871.251.200	
II	XÃ BÀ NÀ (02 LÔ)						
3	Lô 01 B2-2 Khu tái định cư Hòa Nhơn (Phục vụ dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	ngã tư đường Gò Lãng 4 - Gò Lãng 1	164,0	Đất ở	29.302.000	4.805.528.000	
4	Lô 46 B2-2 Khu tái định cư Hòa Nhơn (Phục vụ dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	ngã tư đường Gò Lãng 5 - Gò Lãng 1	164,3	Đất ở	24.223.000	3.979.838.900	
III	PHƯỜNG HÒA XUÂN (15 LÔ)						
5	Lô 22 - B2.25 Khu E (giai đoạn 2) - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	ngã tư đường Phan Thao - Hoàng Đình Ái	160,1	Đất ở	32.784.000	5.248.718.400	
6	Lô 26 - B2.31 Khu E (giai đoạn 2) - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	ngã ba đường Hoàng Minh Giám - Lỗ Giáng 22	153,2	Đất ở	16.964.200	2.598.915.440	
7	Lô 50 - B2.31 Khu E (giai đoạn 2) - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	ngã ba đường Lỗ Giáng 23 - Lỗ Giáng 22	154,4	Đất ở	16.419.700	2.535.201.680	
8	Lô 28 - B2.11 Khu E - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (giai đoạn 1)	ngã ba đường Đô Đốc Bảo - Cồn Dầu 2	107,7	Đất ở	24.134.000	2.599.231.800	
9	Lô 36 - B2.11 Khu E - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (giai đoạn 1)	ngã tư đường Đô Đốc Bảo - Khương Hữu Dụng	109,4	Đất ở	26.328.000	2.880.283.200	
10	Lô 198 - B2.12 Khu E2 mở rộng giai đoạn 2 - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ	ngã ba đường Tế Hanh - Kiều Phụng	160,3	Đất ở	24.066.900	3.857.924.070	
11	Lô 199 - B2.13 Khu E2 mở rộng giai đoạn 2 - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ	ngã ba đường Tế Hanh - Kiều Phụng	140,0	Đất ở	21.879.000	3.063.060.000	
12	Lô 421 - B2.1 Khu D - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	ngã tư đường Hoàng Minh Giám - Huỳnh Xuân Nhị	199,9	Đất ở	22.560.000	4.509.744.000	
13	Lô 418 B2.2 Khu D - KDC Nam cầu Cẩm Lệ	ngã tư đường Hoàng Minh Giám - Huỳnh Xuân Nhị	207,8	Đất ở	22.560.000	4.687.968.000	
14	Lô 01 B2-2 Khu A Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ mở rộng (GD2)	Ngã tư đường Trần Văn Giàu - Cao Bá Đạt	132,7	Đất ở	14.676.000	1.947.505.200	
15	Lô 28 B2-2 Khu A Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ mở rộng (GD2)	Ngã ba đường Cao Bá Đạt - Bàu Cầu 11	127,7	Đất ở	13.332.000	1.702.496.400	
16	Lô 14 B2-2 Khu A Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ mở rộng (GD2)	Ngã tư đường Trần Văn Giàu - Mai An Tiêm	111,5	Đất ở	14.796.000	1.649.754.000	

STT	Tên lô đất, dự án	Vị trí lô đất	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng đất	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Dự kiến tiền sử dụng đất theo giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
17	Lô 01 B2-6 Khu A Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ mở rộng (GD2)	Ngã tư đường Phan Văn Đáng- Mai An Tiêm	96,3	Đất ở	14.796.000	1.424.854.800	
18	Lô 693 B2-23 Khu B Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	ngã tư đường Kha Vạng Cân - Nguyễn Hàm Ninh	146,6	Đất ở	18.168.000	2.663.428.800	
19	Lô 694 B2-24 Khu B Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	ngã tư đường Kha Vạng Cân - Nguyễn Hàm Ninh	165,8	Đất ở	18.168.000	3.012.254.400	
Tổng cộng: 19 lô đất			2.814,20		380.920.800	57.194.768.690	